TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀ AN** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **§éc lËp - Tù do - H¹nh phóc**

B¶n ¸n sè:
04/2018/HNG§-ST
Ngµy: 21 -3-2018
V/v: "Ly h«n"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Lịch

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nông Thị Phương Loan

2. Bà: Lưu Thị Tuyết

Thư ký phiên toà: Bà Mã Thùy Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An tham gia phiên Tòa: bà Nguyễn Thị Thiêm; Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 về việc *" **Ly hôn** "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04 /2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Viên Thị Đ**; Sinh năm 1987; (Có mặt)

Địa chỉ: xóm K, xã D, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

2. Bị đơn: Anh **Long Minh H**; Sinh năm 1985; (Vắng mặt có lý do)

Địa chỉ: xóm N, xã D, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Hiện đang chấp hành án tại trại giam Q, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Hà Thị T**; sinh năm 1956; (Có mặt)

- Ông **Long Văn O**; sinh năm 1960; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: xóm N, xã D, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2017 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Viên Thị Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Long Minh H có địa chỉ tại xóm N, xã D, huyện H, tỉnh Cao Bằng kết hôn ngày 31/7/2009 trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi kết hôn, vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, thậm trí xảy ra xô sát. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H hay đi uống rượu và có hành vi đánh đập, xúc phạm, ngược đãi chị. Quá trình mẫu thuẫn đã được chính quyền địa phương, hai bên gia đình, hàng xóm hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Năm 2013, anh H có hành vi vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án tại trại giam Q, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, kể từ đó vợ chồng sống xa nhau và tình cảm vợ chồng cũng trở nên xa cách. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Long Bảo A, sinh ngày 26/9/2009. Hiện nay, con đang sống cùng với ông bà nội là Hà Thị T và Long Văn O tại xóm N, xã D, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Sau khi ly hôn sẽ giao con chung cho ông bà nội của cháu là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đ tự có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung tùy thuộc vào khả năng kinh tế của mình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản khai ngày 26/12/2017 của anh Long Minh H thể hiện:

- Về hôn nhân: Anh H xác nhận về điều kiện, thời gian kết hôn với chị Đ đúng như chị Đ đã trình bày.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Có xảy ra vài lần xô sát nhưng đều khắc phục được. Đến năm 2013, anh H có hành vi vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù, kể từ đó anh không thể chăm sóc được cho vợ. Hiện nay, chị Đ có đơn xin ly hôn với anh, anh nhất trí theo yêu cầu của chị Đ, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Đ được ly hôn.

- Về con chung: Anh H thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là Long Bảo A, sinh ngày 26/9/2009. Trường hợp ly hôn, anh đề nghị giao cháu Huy cho ông

bà nội của cháu là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không đề nghị chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh H còn đề nghị được giải quyết ly hôn vắng mặt vì hiện nay anh đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam không thể đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 23/2/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị T có ý kiến:

Ông O và bà T là bố mẹ đẻ của anh Long Minh H, là ông bà nội của cháu Long Bảo A. Về việc ly hôn giữa chị Viên Thị Đ và anh Long Minh H, ông bà không có ý kiến gì, nhất trí theo ý kiến của chị Đ và anh H.

Về con chung giữa chị Đ và anh H: là cháu Long Bảo A, sinh ngày 26/9/2009. Hiện nay, cháu A đang sống cùng với ông bà nội tại xóm N, xã D, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Trường hợp chị Đ và anh H ly hôn, ông bà nhất trí và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A, có yêu cầu chị Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con tùy thuộc vào khả năng kinh tế của mình.

Về các vấn đề khác: không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Viên Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về việc xin ly hôn với bị đơn anh Long Minh H. Tuy nhiên chị Đ có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Tuy vắng mặt tại phiên Tòa nhưng Bị đơn anh Long Minh H đã có ý kiến chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn. Việc anh yêu cầu sau khi ly hôn đề nghị giao con cho bố mẹ đẻ anh nuôi con chung. Xét thấy yêu cầu này của anh không hợp lý vì nghĩa vụ, trách nhiệm của con chung trước hết là của bố, mẹ; hơn nữa hoàn cảnh của bố mẹ đẻ anh hiện nay cũng rất khó khăn; cả gia đình có 3 người lớn thì bố đẻ anh thường hay đau ốm, cả ông và bà cũng đã hết tuổi lao động, gia đình có một em trai bị bệnh về thần kinh, không có thu nhập, sống phụ thuộc hoàn toàn vào nghề nông; bản thân con chung của anh chị là cháu A cũng có nguyện vọng được sống chung cùng mẹ do vậy yêu cầu của anh không có cơ sở chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị T và ông Long Văn O cũng có ý kiến nhất trí theo yêu cầu của chị Đ tại Tòa về việc xin ly hôn, việc yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và ông bà sẽ hỗ trợ cùng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Xác nhận trên thực tế tình cảm quan hệ vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận theo yêu cầu về giải quyết ly hôn giữa chị Đ và anh H.

Về quan hệ con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung: Để nghị Hội đồng xét xử xem xét kết quả tranh luận tại phiên Tòa của những người tham gia tố tụng.

Các vấn đề khác như về tài sản và vay nợ chung: Các bên không yêu cầu xem xét giải quyết;

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 235; Điều 266; 267; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82 Luật Hôn nhân gia đình để xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án đã được thẩm tra, trên cơ sở những lời trình bày và kết quả tranh luận của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Viên Thị Đ kết hôn với anh Long Minh H, địa chỉ: xóm N, xã D, huyện H, tỉnh Cao Bằng tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện H, Cao Bằng. Nay, chị Đ khởi kiện xin ly hôn với anh H, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Viên Thị Đ và anh Long Minh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện H, Cao Bằng vào ngày 31/7/2009 trên cơ sở tự nguyện, trước khi khi kết hôn có được tìm hiểu nhau. Do vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh H là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng giữa chị Đ và anh H Đã phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Đ khai: Sau khi kết hôn, vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ, xô sát lẫn nhau. Anh H hay đi uống rượu và có hành vi đánh đập, xúc phạm, ngược đãi chị. Mâu thuẫn vợ chồng đã được chính quyền địa phương, hai bên gia đình, hàng xóm hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Việc anh H vi phạm pháp luật là thực tế hiện nay đang phải chấp hành án tại trại giam Q, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang từ năm 2013. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H, anh H cùng nhất trí ly hôn.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị Viên Thị Đ và anh Long Minh H đã tan vỡ, không có sự cảm thông, sẻ chia nghĩa vợ tình chồng và cả chị Đ, anh H

đều có nguyện vọng được giải quyết ly hôn, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh H có một con chung tên Long Bảo A, sinh ngày 26/9/2009. Hiện nay, con đang ở với ông bà nội tại xóm xóm N, xã D, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Xét về nguyện vọng của cháu Long Bảo A muốn được sống chung cùng với bố và mẹ, trường hợp bố mẹ ly hôn muốn được sống với mẹ. Đó là nguyện vọng chính đáng, cần chấp nhận và tại phiên Tòa hôm nay chị Đ yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung; xét về mọi mặt và về quyền lợi của con thì yêu cầu của chị Đ là có cơ sở. Chị Đ không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị nên Tòa không xem xét.

Việc trực tiếp nuôi con Long Bảo A và cấp dưỡng nuôi con chung có thể thay đổi. Anh Long Minh H có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị Đ và anh H đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Viên Thị Đ đối với anh Long Minh H.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh H chấm dứt kể từ thời điểm bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung của chị Viên Thị Đ và anh Long Minh H tên Long Bảo A; sinh ngày 26/9/2009 cho chị Viên Thị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành. Anh Long Minh H

được quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đ không yêu cầu nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Vì quyền lợi của của con trẻ, việc trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh H cùng xác nhận không có tài sản chung và vay, nợ chung vợ chồng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Viên Thị Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc yêu cầu ly hôn sung công quỹ Nhà nước, nhưng được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/02199 ngày 15/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An - Cao Bằng. Xác nhận chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKS huyện Hoà An;
- UBND xã D;
- CCTHADS huyện Hoà An;
- TAND Tỉnh Cao Bằng;
- Lưu HS.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hoàng Thị Thu Lịch